



CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

**Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2012**

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. Tài sản ngắn hạn	100		501.546.939.469	481.089.622.990
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	9.689.311.609	33.118.243.699
1. Tiền	111		9.689.311.609	8.268.243.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	24.850.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.02	174.843.082.344	175.611.731.121
1. Phải thu khách hàng	131		76.441.288.991	77.148.317.166
2. Trả trước cho người bán	132		92.017.436.792	77.433.210.269
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		9.278.549.803	23.924.396.928
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.894.193.242)	(2.894.193.242)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.03	303.241.844.996	259.347.350.920
1. Hàng tồn kho	141		303.241.844.996	259.347.350.920
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		13.772.700.520	13.012.297.250
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.381.637.090	3.218.433.483
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.673.842.619	8.177.762.339
3. Các khoản thuế phải thu	152		4.427.813	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	1.712.792.998	1.616.101.428
B. Tài sản dài hạn	200		220.759.900.253	191.635.111.483
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		213.277.953.898	184.764.454.942
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	148.176.266.729	125.152.333.585
- Nguyên giá	222		215.280.792.760	181.963.205.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.104.526.031)	(56.810.871.555)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.06	47.312.623.982	38.936.647.918
- Nguyên giá	228		50.275.375.789	41.060.900.789
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.962.751.807)	(2.124.252.871)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	17.789.063.187	20.675.473.439
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		7.161.484.988	6.521.062.323
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	7.161.484.988	6.521.062.323
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269	V.09	320.461.367	349.594.218
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		722.306.839.722	672.724.734.473

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. Nợ phải trả	300		403.136.842.143	389.528.929.258
I. Nợ ngắn hạn	310		397.136.842.143	389.528.929.258
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	337.299.714.383	332.017.942.731
2. Phải trả cho người bán	312	V.11	36.988.832.359	37.443.769.803
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	2.141.490.234	2.023.536.352
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.12	6.240.870.168	2.647.475.308
5. Phải trả công nhân viên	315		5.640.820.039	5.008.720.093
6. Chi phí phải trả	316	V.13	2.828.700.549	2.320.678.667
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	4.113.831.825	7.893.125.774
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.882.582.586	173.680.530
II. Nợ dài hạn	320		6.000.000.000	-
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
1. Vay và nợ dài hạn	324	V.15	6.000.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.16	319.169.997.579	283.195.805.215
I. Vốn chủ sở hữu	410		319.169.997.579	283.195.805.215
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		119.999.300.000	119.999.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.306.910.000	7.306.910.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.395.418.625	6.855.356.319
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		178.468.368.954	149.034.238.896
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		722.306.839.722	672.724.734.473
			-	-
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			30/6/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - USD			203.737,41	142.709,68
Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - EUR			2.993,10	2.578,89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
 Kế toán trưởng
 Ngày 20 tháng 8 năm 2012



NGUYỄN VĂN ĐẠO
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

						Đơn vị tính: VNĐ
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2012	Lũy kế năm nay	Quý 2 năm 2011	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		198.627.134.417	437.906.113.396	261.998.679.860	441.757.144.430
2. Các khoản giảm trừ	03		12.016.052.894	17.154.327.784	2.977.530.850	7.246.502.050
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	186.611.081.523	420.751.785.612	259.021.149.010	434.510.642.380
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	122.477.916.609	307.257.275.948	178.821.640.831	305.603.995.213
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.133.164.914	113.494.509.664	80.199.508.179	128.906.647.167
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	763.777.129	3.495.984.559	2.609.986.960	3.892.142.064
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	5.440.448.871	10.770.986.140	4.715.607.372	10.941.540.057
- Trong đó: lãi vay	23		5.273.072.181	10.552.925.951	4.596.060.620	9.682.093.819
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	17.521.573.874	34.708.181.184	20.184.203.145	37.844.804.281
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	5.402.416.454	9.857.307.054	2.311.384.776	7.017.329.808
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		36.532.502.845	61.654.019.846	55.598.299.847	76.995.115.086
11. Thu nhập khác	31	VI.07	980.317.158	1.934.215.061	754.903.830	1.507.097.618
12. Chi phí khác	32	VI.08	715.554.625	1.835.401.281	1.204.332.901	2.265.375.290
13. Lợi nhuận khác	40		264.762.533	98.813.780	(449.429.071)	(758.277.672)
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		36.797.265.378	61.752.833.626	55.148.870.776	76.236.837.414
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	1.854.758.441	3.778.711.262	1.897.200.086	2.722.641.599
17. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.942.506.937	57.974.122.364	53.251.670.689	73.514.195.814
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		34.942.506.937	57.974.122.364	53.251.670.689	73.514.195.814
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.912	4.831	5.520	8.053



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VND					
CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2 năm 2012	Lũy kế năm nay	Quý 2 năm 2011	Lũy kế năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận trước thuế	01	36.797.265.378	61.752.833.626	55.148.870.776	76.236.837.414
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao tài sản cố định	02	5.729.654.692	11.143.942.301	4.912.207.137	9.924.673.019
Các khoản dự phòng	03	-	-	181.304.000	181.304.000
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-	(1.601.403.079)	(1.442.611.044)
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(620.373.463)	(1.491.676.809)	(79.228.736)	(114.920.911)
Chi phí lãi vay	06	5.273.072.181	10.552.925.951	4.596.060.620	9.682.093.819
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	47.179.618.788	81.958.025.069	63.157.810.718	94.467.376.297
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	19.325.635.914	(828.550.886)	(71.207.025.645)	(98.031.208.741)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(59.949.483.291)	(43.894.494.076)	(23.150.481.556)	(55.249.119.572)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(6.866.521.803)	(3.133.992.497)	28.226.309.532	17.668.061.942
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	738.434.789	196.373.728	(1.048.961.805)	(79.269.518)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.273.072.181)	(10.552.925.951)	(3.523.833.087)	(8.609.866.286)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(27.479.588)	(27.479.588)	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(8.291.097.944)	(8.291.097.944)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.163.965.317)	15.425.857.855	(7.546.181.843)	(49.834.025.879)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(32.042.834.127)	(39.693.464.974)	(14.667.764.828)	(10.567.025.527)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	-	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	(303.000.000)	(303.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	29.132.852	29.132.852	29.132.852	29.132.852
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	656.397.180	1.527.700.526	79.228.736	114.920.911
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.357.304.096)	(38.136.631.597)	(14.862.403.240)	(10.725.971.765)

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VND					
CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2 năm 2012	Lũy kế năm nay	Quý 2 năm 2011	Lũy kế năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-		-	
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-	-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-	-	-
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	334.736.092.352	588.497.964.135	274.962.111.252	548.745.097.252
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(303.534.866.236)	(577.216.192.483)	(247.163.142.884)	(481.122.600.133)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(11.999.930.000)	(11.999.930.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.201.296.116	(718.158.348)	19.798.968.368	59.622.497.119
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(25.319.973.296)	(23.428.932.090)	(2.609.616.715)	(937.500.524)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.009.284.905	33.118.243.699	11.459.906.274	9.787.790.083
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.689.311.609	9.689.311.609	8.850.289.559	8.850.289.559



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 8 năm 2012



NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Thông tin doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Gò Đàng Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 530300064 ngày 11/5/2007 và thay đổi đến lần thứ 1 ngày 03/6/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty, thông qua Công ty mẹ và các công ty con, có hoạt động chính là thu mua thủy sản; chế biến thủy sản; nuôi trồng thủy sản; dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; đầu tư tài chính; mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản.

3. Địa chỉ

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Các công ty con

Công ty có 05 (năm) công ty con, được hợp nhất trong báo cáo tài chính.

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>% Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>% Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH TM Gò Đàng	Số 202/33 đường Cô Bắc, quận 1, TP.HCM	Thu mua hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Sản xuất thủy sản	100	100
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Thu mua hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	Mỹ Thanh – Mỹ Phước – Mang Thít – Vĩnh Long	Sản xuất thức ăn thủy sản	100	100
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	Khu công nghiệp An Hiệp – Châu Thành – Bến Tre	Sản xuất thủy sản	100	100

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản Báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt

2. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

III. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gò Đàng và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

4. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

7. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

8. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng hàng hoá tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm hàng hoá tồn kho có thể xảy ra dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

9.1 - Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
Tài sản cố định khác	03 - 06 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

9.2 - Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được ghi nhận như tài sản cố định vô hình.

10. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

11. Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

12. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Các quỹ của Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính được lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm đầu tư mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho công nhân viên.

14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Gò Đàng (Công ty mẹ) được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi (năm 2006) và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm thứ tư Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50%.

Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát và Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức (các Công ty con) được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và thời gian miễn giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2006 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và được hưởng các ưu đãi về đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định về khuyến khích, ưu đãi đầu tư đầu tư ban hành theo Quyết định số 66/2005/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Theo đó, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Công ty chỉ được hưởng các ưu đãi này nếu thực hiện đầu tư vào đúng lĩnh vực, địa bàn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người. Năm 2012 là năm thứ ba Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát được miễn thuế.

Công ty TNHH TM Gò Đàng áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo. Năm 2012 Công ty đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang nên chưa phát sinh thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu được mua bởi Nhóm Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, loại trừ các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại là cổ phiếu ngân quỹ cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên kia. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

<i>Phân loại theo tính chất</i>	30/6/2012	01/01/2012
Tiền mặt	3.697.802.803	3.032.337.430
Tiền gửi ngân hàng	5.991.508.806	5.235.906.269
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng	-	24.850.000.000
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	9.689.311.609	33.118.243.699

<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	30/6/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Gò Đàng	5.962.088.959	29.753.096.347
Công ty TNHH TM Gò Đàng	3.005.770.803	2.871.796.905
Công ty TNHH XNK TS An Phát	318.704.141	103.015.089
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	13.821.878	32.223.834
Công ty Cổ phần Gò Đàng Vĩnh Long	257.395.119	286.376.262
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	131.530.709	71.735.262
Cộng	9.689.311.609	33.118.243.699

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

	30/6/2012	01/01/2012
2. Các khoản phải thu ngắn hạn		
Phải thu khách hàng	76.441.288.991	77.148.317.166
Trả trước cho người bán	92.017.436.792	77.433.210.269
Phải thu khác	(2.1) 9.278.549.803	23.924.396.928
Cộng	<u>177.737.275.586</u>	<u>178.505.924.363</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(2.894.193.242)</u>	<u>(2.894.193.242)</u>
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	<u>174.843.082.344</u>	<u>175.611.731.121</u>
(2.1) Chi tiết các khoản phải thu khác:	30/6/2012	01/01/2012
Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân	-	9.664.650.000
Phải thu tiền hoàn thuế	3.240.421.743	2.684.205.624
Phải thu khác liên quan đến thi công công trình	3.530.000.000	9.114.225.000
Phải thu khác	<u>2.508.128.060</u>	<u>2.461.316.304</u>
Cộng	<u>9.278.549.803</u>	<u>23.924.396.928</u>
3. Hàng tồn kho		
<i>Phân loại theo tính chất</i>	30/6/2012	01/01/2012
Nguyên vật liệu	20.637.424.084	45.798.066.439
Công cụ, dụng cụ trong kho	7.307.087.299	5.309.896.601
Chi phí sản xuất dở dang	185.578.032.385	123.267.819.619
Thành phẩm tồn kho	83.570.428.231	77.899.862.510
Hàng hóa tồn kho	1.911.691.001	778.945.871
Hàng gửi đi bán	<u>4.237.181.996</u>	<u>6.292.759.880</u>
Cộng	<u>303.241.844.996</u>	<u>259.347.350.920</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>303.241.844.996</u>	<u>259.347.350.920</u>
<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	30/6/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Gò Đàng	301.328.769.996	259.347.350.920
Công ty TNHH TM Gò Đàng	1.911.665.000	-
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	<u>1.410.000</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>303.241.844.996</u>	<u>259.347.350.920</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

4. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2012	01/01/2012
Tạm ứng nhân viên	1.617.342.598	1.416.471.528
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	95.450.400	199.629.900
Cộng	1.712.792.998	1.616.101.428

5. Tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: Ngân đồng					
	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2012	67.965.426	100.772.203	8.807.137	1.501.530	2.916.909	181.963.205
Tăng	4.458.948	33.503.066	2.152.671	402.165	1.072.211	41.589.061
- Mua sắm mới	4.458.948	26.130.019	1.302.057	402.165	1.072.211	33.365.400
- Phân loại lại	-	7.373.047	850.614	-	-	8.223.661
Giảm	(7.683.889)	-	-	(334.003)	(253.582)	(8.271.474)
- Thanh lý	(47.813)	-	-	-	-	(47.813)
- Phân loại lại	(7.636.076)	-	-	(334.003)	(253.582)	(8.223.661)
Tại ngày 30/6/2012	64.740.485	134.275.269	10.959.808	1.569.691	3.735.538	215.280.793
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2012	26.406.382	25.316.916	2.790.266	775.978	1.521.329	56.810.872
Tăng	4.443.755	9.647.537	1.390.722	194.819	261.519	15.938.352
- Trích khấu hao	4.443.755	4.773.356	631.996	194.819	261.519	10.305.445
- Phân loại lại	-	4.874.181	758.726	-	-	5.632.907
Giảm	(4.920.175)	-	-	(260.469)	(464.054)	(5.644.698)
- Thanh lý	(11.789)	-	-	-	-	(11.789)
- Phân loại lại	(4.908.386)	-	-	(260.469)	(464.054)	(5.632.909)
Tại ngày 30/6/2012	25.929.962	34.964.454	4.180.988	710.329	1.318.794	67.104.526
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2012	41.559.044	75.455.287	6.016.871	725.551	1.395.581	125.152.334
Tại ngày 30/6/2012	38.810.524	99.310.815	6.778.820	859.363	2.416.744	148.176.267

Tại ngày 31/8/2010, Công ty Cổ phần Gò Đàng đã tiến hành mua lại 100% Công ty Cổ phần Hiệp Thanh V và đổi tên lại thành Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long. Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long ghi nhận nguyên trạng toàn bộ tài sản, nguồn vốn và nợ phải trả theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty Cổ phần Hiệp Thanh V tại ngày 30/8/2010. Riêng đối với nguyên giá tài sản cố định Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long ghi nhận theo giá trị còn lại của tài sản cố định trên báo cáo tài chính và tiếp tục theo dõi về nguyên giá và trích khấu hao tài sản cố định căn cứ trên số liệu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2012	40.382.175.939	678.724.850	41.060.900.789
Tăng	9.214.475.000	-	9.214.475.000
Giảm	-	-	-
Tại ngày 30/6/2012	49.596.650.939	678.724.850	50.275.375.789
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01/01/2012	2.006.829.079	117.423.792	2.124.252.871
Tăng	773.537.545	64.961.391	838.498.936
Giảm	-	-	-
Tại ngày 30/6/2012	2.780.366.624	182.385.183	2.962.751.807
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2012	38.375.346.860	561.301.058	38.936.647.918
Tại ngày 30/6/2012	46.816.284.315	496.339.667	47.312.623.982

7. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2012	01/01/2012
Công trình khu nuôi cá	6.234.340.379	3.377.152.531
Mua sắm tài sản cố định	7.552.275.759	14.533.061.656
Các công trình khác	4.002.447.049	2.765.259.252
Cộng	17.789.063.187	20.675.473.439

8. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2012	01/01/2012
Tiền thuê đất 8.1	3.551.574.293	3.615.425.647
Tiền thuê ao nuôi cá	2.361.643.054	2.394.218.385
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.248.267.641	511.418.291
Cộng	7.161.484.988	6.521.062.323

(8.1) Trong đó, bao gồm chi phí trả trước tiền thuê đất tại văn phòng Công ty theo hợp đồng thuê lại đất số 10/HĐ-TLĐ ngày 31/12/2003 và phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2007, diện tích thuê 5.000 m² đất tại lô 45 khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang, thời hạn thuê từ ngày 18/12/2002 đến ngày 20/9/2047. Tổng giá trị tiền thuê là 50,000.00 USD.

9. Lợi thế thương mại

	30/6/2012	01/01/2012
Lợi thế thương mại	320.461.367	349.594.218

Giá trị lợi thế thương mại được kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 10 năm bắt đầu từ năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

10. Vay và nợ ngắn hạn	30/6/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn - VND	15.247.967.790	17.300.248.180
Vay ngắn hạn - USD	251.731.581.880	188.938.702.640
Vay ngắn hạn - HKD	-	68.054.258.400
Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	70.320.164.713	57.724.733.511
Cộng	337.299.714.383	332.017.942.731

Chi tiết các khoản vay theo từng ngân hàng tại ngày 30/6/2012

Tên ngân hàng		Nguyên tệ			Quy ra VNĐ
		USD	EUR	VND	
Eximbank - CN Hòa Bình	10.1	3.333.185	36.401	-	70.374.609.105
Sacombank - CN Tiền Giang	10.2	2.078.000	-	-	43.280.584.000
HSBC (Việt Nam)	10.3	4.944.186	-	-	102.977.506.008
Vietcom bank - CN Tiền Giang	10.4	687.000	-	-	14.308.836.000
Ngân hàng Á Châu	10.5	1.073.000	-	-	22.348.444.000
Teckcombank - Chi nhánh HCM	10.6	489.410	-	3.900.000.000	14.093.431.480
Ngân hàng ANZ (Việt Nam)	10.7	2.812.000	-	-	58.568.336.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	10.8	-	-	8.487.267.790	8.487.267.790
Ông Lê Sơn Tùng	10.8	-	-	2.860.700.000	2.860.700.000
Cộng		15.416.781	36.401	15.247.967.790	337.299.714.383

(10.1) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - CN Hòa Bình** bao gồm:

- Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1007LAV201101080 ngày 19/8/2011; hạn mức vay: 50 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 30/6/2012 là 902.800 USD. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là nguồn thu từ việc xuất khẩu, thành phẩm và hàng hoá của Công ty;
- Vay theo hình thức chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu với số tiền vay tại ngày 30/6/2012 là 2.430.3855 USD và 36.401 EUR.

(10.2) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng số LD1033600041 ngày 02/12/2010 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung số LD1203400334 ngày 03/02/2012; hạn mức tín dụng: 3,000,000 USD hoặc VNĐ tương đương. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng Sacombank được quy định chi tiết tại phụ lục tài sản đảm bảo đính kèm theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung số LD1203400334 ngày 03/02/2012.

(10.3) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TNHH 1 thành viên HSBC Việt Nam** theo hợp đồng tín dụng số VNM CDT090928 ngày 24/4/2012 với tổng hạn mức tín dụng: 5.800.000 USD hoặc tương đương VNĐ hay HKD; lãi suất cho vay cơ bản của thời hạn tương ứng cộng 2%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu của Công ty số VNM CDT 090928/MR với trị giá 62.000.000.000 VNĐ;
- Hợp đồng thế hàng hoá trong kho của Công ty trị giá 21.000.000.000 VNĐ và quyền thụ hưởng trong các hợp đồng bảo hiểm từ Công ty bảo hiểm Bảo Việt.
- Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị của Công ty và quyền sử dụng đất cùng với tài sản gắn liền với đất tại huyện Trung An, Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang với giá trị tối thiểu là 30.371.410.466 VNĐ.

(10.4) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0164/TD2/11LD ngày 05/8/2011. Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng lần nhận nợ cụ thể. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

10. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

(10.5) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số TIG.DN.0415.0212 ngày 14/3/2012. Tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD và 10.000.000.000 đồng; thời hạn cấp hạn mức là 60 tháng; lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. 7,5%/năm và hợp đồng tín dụng số H003/3 ngày 29/12/2011; số tiền vay 290.000 USD; 7,2%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản số TIG.BĐDN.01080411 ngày 18/4/2012, số TIG.BĐDN.01150212 ngày 14/3/2012 và số 222201 ngày 15/3/2012.

(10.6) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam** theo hợp đồng tín dụng số 62/11K/HĐHMTD/TCB-HCM ngày 01/12/2011; hạn mức tín dụng: 3,000,000 USD hoặc VNĐ tương đương; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và toàn bộ hàng hoá hình thành từ vốn vay và hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

(10.7) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam** theo hợp đồng tín dụng ngày 22/3/2012; hạn mức tín dụng: 4,000,000 USD hoặc VNĐ tương đương; lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số MA1.22.03.2012 ngày 24/4/2012.

(10.8) Vay ngắn hạn từ cá nhân **Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc** và **Ông Lê Sơn Tùng** với lãi suất vay dao động từ 0,9% - 1,1%/tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

11. Phải trả người bán và người mua trả trước

	30/6/2012	01/01/2012
Phải trả người bán	36.988.832.359	37.443.769.803
Người mua trả tiền trước	2.141.490.234	2.023.536.352
Cộng	39.130.322.593	39.467.306.155

12. Thuế và các khoản phải nộp

	30/6/2012	01/01/2012
Thuế GTGT	750.883.446	866.390.908
Thuế xuất nhập khẩu phải nộp	2.009.898	61.960.394
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.423.466.905	1.644.755.643
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	64.509.919	74.368.363
Cộng	6.240.870.168	2.647.475.308

13. Chi phí phải trả

	30/6/2012	01/01/2012
Chi phí cước tàu phải trả	1.744.797.000	1.919.871.200
Chi phí phải trả khác	1.083.903.549	400.807.467
Cộng	2.828.700.549	2.320.678.667

14. Phải trả khác

	30/6/2012	01/01/2012
BHXH, BHYT, BHTN	49.347.363	213.923.632
Tiền mượn các cá nhân và tổ chức không lãi suất	130.902.000	3.468.205.950
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.690.000.000	3.470.000.000
Các khoản phải trả khác	243.582.462	740.996.192
Cộng	4.113.831.825	7.893.125.774

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

15. Vay và nợ dài hạn	30/6/2012	01/01/2012
Vay dài hạn	6.000.000.000	-
- Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	6.000.000.000	-

Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 0172/TD2/11CD ngày 16/8/2011 với mục đích đầu tư xây dựng nhà máy chế biến bột cá. Hạn mức vay là 20 tỷ đồng; thời hạn vay 84 tháng; lãi suất 19%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản số 093-095/NHNT/TC11 ngày 16/8/2011.

16. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 119.999.300.000 đồng, được chia thành 11.999.320 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ đông	Vốn đăng ký		Vốn góp thực tế	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Cổ đông sáng lập				
Nguyễn Văn Đạo	750.000 #	7.500.000.000	2.601.240	26.012.400.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc	750.000 #	7.500.000.000	2.451.240	24.512.400.000
Lê Sơn Tùng	900.000 #	9.000.000.000	1.512.151	15.121.510.000
Nhóm cổ đông khác				
Công ty CP Sành sứ Thủy tinh Vi	- #	-	2.422.013	24.220.130.000
Lê Thị Liêm	- #	-	1.201.631	12.016.310.000
Cổ đông khác	9.599.930 #	95.999.300.000	1.811.655	18.116.550.000
Cộng	11.999.930 #	119.999.300.000	11.999.930	119.999.300.000

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 30/6/2012
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	119.999.300.000	-	-	119.999.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.306.910.000	-	-	7.306.910.000
Quỹ đầu tư phát triển	6.855.356.319	6.540.062.306	-	13.395.418.625
Lợi nhuận chưa phân phối	149.034.238.896	57.974.122.364	(28.539.992.306)	178.468.368.954
Cộng	283.195.805.215	64.514.184.670	(28.539.992.306)	319.169.997.579

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Trích quỹ đầu tư phát triển	6.540.062.306	2.126.988.640
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.000.000.000	6.380.965.919
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	11.999.930.000	8.000.000.000
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	-	15.999.660.000
Cộng	28.539.992.306	32.507.614.559

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

b - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Vốn góp đầu kỳ	119.999.300.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	39.999.300.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	119.999.300.000	119.999.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.999.930.000	8.000.000.000

c - Cổ phiếu

	30/6/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.930	11.999.930
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.930	11.999.930
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.930	11.999.930
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.930	11.999.930
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.930	11.999.930

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần

Phân loại theo tính chất

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	366.715.577.714	374.023.347.803
Doanh thu bán hàng - Trong nước	71.159.304.182	60.147.414.949
Doanh thu khác	31.231.500	7.586.381.678
Cộng	437.906.113.396	441.757.144.430

Trừ

Giảm giá hàng bán	(426.900.685)	-
Hàng bán bị trả lại	(16.727.427.099)	(7.246.502.050)

Cộng doanh thu thuần

420.751.785.612 434.510.642.380

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Gò Đàng	413.395.960.849	420.938.159.876
Công ty TNHH TM Gò Đàng	29.846.356.983	33.503.682.654
Công ty TNHH XNK TS An Phát	53.947.247.875	93.409.016.250
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	-	5.354.625.055
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	10.228.540.000	9.834.324.000
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	963.888.800	-
Điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng nội bộ	(87.630.208.895)	(128.529.165.455)

Cộng doanh thu thuần

420.751.785.612 434.510.642.380

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

2. Giá vốn hàng bán

<i>Phân loại theo tính chất</i>	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Giá vốn hàng bán	307.257.275.948	305.603.995.213
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	307.257.275.948	305.603.995.213
<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Gò Đàng	317.289.892.652	332.822.433.723
Công ty TNHH TM Gò Đàng	27.028.577.734	29.960.248.107
Công ty TNHH XNK TS An Phát	35.405.125.140	51.083.995.752
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	-	5.315.814.800
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	7.426.080.958	6.950.668.286
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	537.808.359	-
Điều chỉnh giảm giá vốn bán hàng nội bộ	(80.430.208.895)	(120.529.165.455)
Cộng	307.257.275.948	305.603.995.213

3. Doanh thu hoạt động tài chính

<i>Phân loại theo tính chất</i>	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Lãi tiền gửi	1.527.700.526	62.420.911
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.968.284.033	3.777.221.153
Cổ tức được chia	-	52.500.000
Cộng	3.495.984.559	3.892.142.064
<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Gò Đàng	3.414.081.740	3.099.991.332
Công ty TNHH TM Gò Đàng	76.747.347	787.349.808
Công ty TNHH XNK TS An Phát	3.752.954	2.964.242
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	45.809	786.961
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	1.277.515	1.049.720
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	79.194	-
Cộng	3.495.984.559	3.892.142.064

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

4. Chi phí hoạt động tài chính

<i>Phân loại theo tính chất</i>	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Chi phí lãi vay	10.552.925.951	9.682.093.819
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	181.304.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá	218.060.189	1.035.675.834
Lỗi kinh doanh chứng khoán	-	42.466.404
Cộng	10.770.986.140	10.941.540.057

<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Gò Đàng	10.446.254.888	9.344.053.585
Công ty TNHH TM Gò Đàng	171.018.762	319.722.631
Công ty TNHH XNK TS An Phát	301.400	1.271.784.758
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	569.047	1.037.155
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	55.181.948	4.941.928
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	97.660.095	-
Cộng	10.770.986.140	10.941.540.057

5. Chi phí bán hàng

<i>Phân loại theo tính chất</i>	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Chi phí vật liệu, bao bì	20.014.672.470	18.989.514.299
Chi phí vận chuyển, cước tàu ...	11.506.097.656	15.381.340.345
Chi hoa hồng môi giới	2.264.305.021	2.335.820.945
Chi phí bằng tiền khác	923.106.037	1.138.128.692
Cộng	34.708.181.184	37.844.804.281

<i>Phân loại theo bộ phận kinh doanh</i>	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Gò Đàng	32.976.311.133	35.446.425.515
Công ty TNHH TM Gò Đàng	1.731.870.051	2.398.378.766
Cộng	34.708.181.184	37.844.804.281

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phân loại theo tính chất

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Chi phí nhân viên quản lý	4.830.737.771	3.286.694.976
Chi phí công cụ dụng cụ	505.610.264	623.440.422
Chi phí khấu hao TSCĐ	612.164.945	471.988.187
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.795.172.273	998.247.899
Lợi thế thương mại	29.132.852	29.132.852
Chi phí bằng tiền khác	1.084.488.949	1.607.825.472
Cộng	9.857.307.054	7.017.329.808

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Gò Đàng	8.019.293.828	5.735.659.070
Công ty TNHH TM Gò Đàng	823.485.368	987.653.334
Công ty TNHH XNK TS An Phát	140.153.152	63.727.581
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	3.436.420	3.974.015
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	834.566.565	197.182.956
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	7.238.869	-
Lợi thế thương mại	29.132.852	29.132.852
Cộng	9.857.307.054	7.017.329.808

7. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Thu thanh lý tài sản cố định	90.909.091	-
Thu nhập từ bán phế liệu	1.598.344.776	1.313.358.029
Các khoản cho thuê kho bãi, tiền phạt và các khoản khác	244.961.194	193.739.589
Cộng	1.934.215.061	1.507.097.618

8. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Chi phí thanh lý tài sản cố định	36.023.717	-
Các khoản chi phí khác	1.799.377.564	2.265.375.290
Cộng	1.835.401.281	2.265.375.290

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Công ty Cổ phần Gò Đàng	2.293.211.348	2.553.448.048
Công ty TNHH XNK TS An Phát	1.383.572.894	-
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	101.927.020	169.193.551
Các khoản chi phí khác	3.778.711.262	2.722.641.599
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.974.122.364	73.514.195.814
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.974.122.364	73.514.195.814
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	11.999.930	9.128.559
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.831	8.053
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên vật liệu	206.139.976.199	359.497.000.600
Chi phí nhân công	41.858.089.227	28.446.553.253
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.954.134.273	9.925.841.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.675.955.130	109.026.030.591
Chi phí bằng tiền khác	11.242.470.377	11.059.906.481
Cộng	402.870.625.206	517.955.331.993

VII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Đi vay	2.860.700.000	-
Ông Lê Phước Giáo	Thành viên HĐQT	Cho mượn	3.530.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan (tiếp theo)

Số dư công nợ với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	30/6/2012	01/01/2011
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên HĐQT	Phải thu	-	9.664.650.000
Ông Lê Phước Giáo	Thành viên HĐQT	Phải thu	3.530.000.000	-
Nguyễn Thị Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc	Phải trả vay	8.487.267.790	3.104.904.000
Lê Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Phải trả vay	2.860.700.000	-

2. Quản lý rủi ro tài chính

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD") và đồng Euro ("EUR").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD và EUR là như sau:

	Tại ngày 30/6/2012			
	Gốc ngoại tệ		Tương đương VND	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	203.737,41	2.993,10	4.243.442.775	76.596.546
Phải thu khách hàng	3.897.947,19	-	80.962.460.102	-
Tổng cộng	4.101.684,60	2.993,10	85.205.902.877	76.596.546
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	-	-	-	-
Vay và nợ ngắn hạn	15.416.781,00	36.401,00	321.100.714.668	949.483.684
Tổng cộng	15.416.781,00	36.401,00	321.100.714.668	949.483.684
Mức độ rủi ro tiền tệ	(11.315.096,40)	(33.407,90)	(235.894.811.791)	(872.887.138)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (11.794.740.590) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nếu đồng Euro mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (43.644.357) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Euro còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

Rủi ro giá

Công ty không có các hoạt động đầu tư vốn ra bên ngoài tập đoàn, do vậy Công ty sẽ không chịu nhiều rủi ro biến động giá.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 174.843.082.344 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

	30/6/2012 VND	01/01/2012 VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	2.894.193.242	2.894.193.242
Trừ dự phòng giảm giá trị	(2.894.193.242)	(2.894.193.242)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	-	-
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu kỳ	(2.894.193.242)	(2.894.193.242)
Tăng (do trích lập dự phòng)	-	-
Hoàn nhập	-	-
Số dư cuối kỳ	(2.894.193.242)	(2.894.193.242)

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong thời kỳ tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Vay ngắn và dài hạn	337.299.714.383	5.000.000.000	1.000.000.000	343.299.714.383
Phải trả người bán	36.988.832.359	-	-	36.988.832.359
Người mua trả trước	2.141.490.234	-	-	2.141.490.234
Thuế và các khoản phải nộp	6.240.870.168	-	-	6.240.870.168
Phải trả người lao động	5.640.820.039	-	-	5.640.820.039
Chi phí phải trả	2.828.700.549	-	-	2.828.700.549
Các khoản phải trả khác	4.113.831.825	-	-	4.113.831.825
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.882.582.586	-	-	1.882.582.586
Cộng	397.136.842.143	5.000.000.000	1.000.000.000	403.136.842.143
Tại ngày 01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Vay ngắn và dài hạn	332.017.942.731	-	-	332.017.942.731
Phải trả người bán	37.443.769.803	-	-	37.443.769.803
Người mua trả trước	2.023.536.352	-	-	2.023.536.352
Thuế và các khoản phải nộp	2.647.475.308	-	-	2.647.475.308
Phải trả người lao động	5.008.720.093	-	-	5.008.720.093
Chi phí phải trả	2.320.678.667	-	-	2.320.678.667
Các khoản phải trả khác	7.893.125.774	-	-	7.893.125.774
Quỹ khen thưởng phúc lợi	173.680.530	-	-	173.680.530
Cộng	389.528.929.258	-	-	389.528.929.258

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VNĐ

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, và các khoản phải thu (thuyết minh tại Mục số 10 và 15 - Phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
Kế toán trưởng
Ngày 20 tháng 8 năm 2012



NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc